

Bản án số: 21/2017/DS-PT
Ngày 30/05/2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Nhung**
Các thẩm phán: Ông **Bùi Văn Tuấn**
Ông **Trần Quang Cường**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đoàn Thị Thủy** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: Bà **Nguyễn Thị Thu Hòa** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 5 năm 2017, tại Hội trường xét xử số 4 - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 03/2017/TLPT-DS ngày 07/02/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2016/DS-ST ngày 17/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2017/QĐ-PT ngày 10/04/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2017/QĐ - PT ngày 08/5/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**; sinh năm 1955; Địa chỉ: tổ 8, khu 1B, phường C, TP H, Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: bà **Lê Thị L** – sinh năm 1973 và ông **Lương Thanh H** – sinh năm 1969; Đều có địa chỉ: tổ 8, khu 1B, phường C, TP H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông **Phạm Trung K**; Địa chỉ: tổ 25, khu 2, phường B, TP H, Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông **Nguyễn Tuấn L**; sinh năm 1953. Địa chỉ: tổ 8, khu 1B, phường C, TP H, Quảng Ninh. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, ông L: ông **Nguyễn Văn B**; HKTT: xóm 1, xã S, thị xã Q, Quảng Ninh; Địa chỉ: số 84, phố V, phường N, Tp H, Quảng Ninh. Vắng mặt.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn B, phía nguyên đơn trình bày: ông Lương Thanh H và bà Lê Thị L vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng), khi vay có lập giấy biên nhận vay tiền, thời hạn trả nợ đến ngày 31/03/2016. Đến thời hạn trả nợ dù bà H đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông H, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó bà H đã làm đơn khởi kiện yêu cầu tòa án nhân dân thành phố H buộc ông H, bà L phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất cơ bản là 9%, thời gian chậm trả tính từ ngày 31/03/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/12/2016.

Bị đơn Lê Thị L, Lương Thành H và người đại diện theo ủy quyền là anh Phạm Trung K có quan điểm: ông H, bà L thừa nhận số tiền vay, thời gian vay, thời hạn trả các bên đã thỏa thuận như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên do làm ăn thua lỗ nên phía bị đơn đã đến gặp bà H và đề nghị giãn nợ mỗi tháng trả 5.000.000đ. Đến nay Ông H bà L đã trả được 9 tháng liên tục với tổng số tiền 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng). Việc bà H khởi kiện đòi số tiền còn nợ 2.000.000.000đ mà không trừ số tiền 45.000.000đ mà ông bà đã trả cho bà H là không đúng. Mặt khác việc bà H đòi tiền lãi chậm trả là không có cơ sở vì việc tính lãi được áp dụng khi bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cố tình thoái thác trách nhiệm.

Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm anh K lại có quan điểm đồng ý số tiền nợ gốc như nguyên đơn yêu cầu, tiền lãi theo quy định của pháp luật. Nhưng do điều kiện gia đình bị đơn hiện nay hết sức khó khăn nên bị đơn sẽ trả khi có điều kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn L và người đại diện theo ủy quyền của ông L - anh Nguyễn Văn B trình bày: Việc ông H, bà L vay tiền là có thật. Số tiền này là tài sản chung của ông và bà H. Do đó ông yêu cầu ông H, bà L phải trả cho ông bà số tiền gốc và lãi quá hạn.

Với nội dung trên Bản án sơ thẩm đã áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm d khoản 3 Điều 203; khoản 1 Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 305, Điều 471, khoản 1 và 4 Điều 474 Bộ luật dân sự;

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc bà Lê Thị L, ông Lương Thanh H phải trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Tuấn L số tiền 2.127.500.000đ (trong đó số tiền gốc 2.000.000.000 và tiền lãi chậm trả là 127.500.000đ).

Ngoài ra bản án tuyên: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Tuấn L có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành xong, hàng tháng bà Lê Thị L và ông Lương Thanh H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/01/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H ban hành quyết định kháng nghị số 01/QĐ/KNPT-DS ngày 05/01/2017 kháng nghị bản án sơ thẩm số 35/2016/DS-ST ngày 17/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố H với nội dung:

- Bản án sơ thẩm xác định: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà H và ông L có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành xong, hàng tháng ông bà L, H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán (bao gồm số nợ gốc và lãi quá hạn) là trái với quy định tại điểm 1 mục III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – VKSND tối cao - Bộ tư pháp - Bộ tài chính, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Vì theo quy định trên thì đương sự chỉ phải trả lãi đối với số tiền nợ gốc và không phải tiếp tục trả lãi đối với số tiền lãi đã được ấn định trong bản án.

- Bản án sơ thẩm áp dụng Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết phần án phí là không đúng. Vì Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về trình tự Bắt giữ tàu bay, tày biển để đảm bảo giải quyết vụ án, còn xử lý về án phí được quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm vụ án dân sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Xác định nghĩa vụ trả lãi do chậm trả và áp dụng điều luật theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự có mặt gồm Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Tuấn L và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có mặt có đều quan điểm: không có ý kiến gì về nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh có mặt tại phiên tòa giữ nguyên nội dung kháng nghị và phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa, hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H là có căn cứ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Xác định nghĩa vụ trả lãi do chậm trả và áp dụng điều luật theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Điểm 1 mục III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/06/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Tư pháp – Bộ Tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản quy định *“Để bảo đảm quyền lợi cho bên được thi hành án, hạn chế việc bên phải thi hành án có tình dây dưa, không tự nguyện thi hành án, cùng với việc quyết định khoản tiền mà bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho bên được thi hành án, khoản tiền phải nộp để đưa vào ngân sách Nhà nước (tiền tịch thu, tiền truy thu thuế, tiền truy thu do thu lợi bất chính, tiền phạt), toà án phải quyết định rõ trong bản án hoặc quyết định là kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 313 Bộ luật dân sự (1995)... Khi tính lãi chỉ tính lãi số tiền còn phải thi hành án, mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.”*

[2] Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bà L, ông H phải trả bà số tiền nợ gốc là 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) và số tiền lãi đối với số tiền chậm trả kể từ ngày 31/03/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/12/2016. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà H buộc bà L, ông H phải trả cho bà H, ông L số tiền 2.127.000.000đ trong đó số tiền nợ gốc 2.000.000.000đ, tiền lãi đối với số tiền chậm trả từ 31/03/2016 đến trước ngày xét xử sơ thẩm 16/12/2016 là 127.000.000đ. Như vậy, số tiền 2.127.000.000đ ông H, bà L có nghĩa vụ thanh toán cho bà H, ông L cũng chính là *“số tiền còn phải thi hành của ông H, bà L”*. Do đó cấp sơ thẩm quyết định trong bản án: *“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Tuấn L có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành xong, hàng tháng bà Lê Thị L và ông Lương Thanh H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.”* Là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự 2005 và quy định Điểm 1

mục III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/06/1997. Nên không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H về nội dung này.

[3] Về áp dụng điều luật: Vụ án được xét xử khi Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đã có hiệu lực thi hành, theo Điều 1 Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Kể từ ngày Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 có hiệu lực thi hành (ngày 01 tháng 7 năm 2016): 1. Đối với những vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động đã được Tòa án thụ lý trước ngày 01 tháng 7 năm 2016, nhưng kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 mới giải quyết theo thủ tục sơ thẩm thì áp dụng các quy định của Bộ luật này để giải quyết...*”. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết về án phí là không đúng, vì Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về Bắt giữ tàu bay, tàu biển để đảm bảo giải quyết vụ án, còn xử lý về án phí được quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành. Do đó cần chấp nhận nội dung kháng nghị nêu trên, sửa bản án sơ thẩm số 35/2016/DS-ST ngày 17/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố H về phần áp dụng điều luật cho phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm d khoản 3 Điều 203, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 305, Điều 471, khoản 1 và 4 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H.

Sửa bản án sơ thẩm số 35/2016/DS-ST ngày 17/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc bà Lê Thị L, ông Lương Thanh H phải trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Tuấn L số tiền 2.127.500.000đ (*Hai tỷ một trăm hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng*).

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Tuấn L có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành án xong, hàng tháng bà Lê Thị L, ông Lương Thanh H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo

mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí:

3.1 Bà Lê Thị L và ông Lương Thanh H phải nộp 49.700.000đ (*Bốn mươi chín triệu bảy trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2 Các đương sự không phải nộp án phí phúc thẩm.

3.3 Trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí là 36.225.000đ (*Ba mươi sáu triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000894 ngày 22/07/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND TP H;
- Chi cục THA DS H;
- THA, VP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Trần Thị Kim Nhung